

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
**Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp
viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thể thao công lập.

Điều 2. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 3. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức ngành Thể dục thể thao (sau đây viết tắt là Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL), nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên cao cấp (hạng I), mã số V.10.01.01 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên cao cấp, mã số 18.179;

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II), mã số V.10.01.02 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên chính, mã số 18.180;

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III), mã số V.10.01.03 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên, mã số 18.181;

4. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV), mã số V.10.01.04 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch hướng dẫn viên, mã số 18.182.

Điều 4. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên cao cấp (hạng I) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm;

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã xếp ngạch hướng dẫn viên (mã số 18.182), bậc 4, hệ số lương 2,46 kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV), mã số V.10.01.04 thì xếp bậc 4, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao có hệ số bậc lương thấp hơn ở ngạch cũ thì việc xếp lương vào bậc trong chức danh nghề nghiệp viên chức được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) để xếp vào bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

Tính từ bậc 1 của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, cứ sau thời gian 3 năm (đủ 36 tháng) đối với chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) hoặc cứ sau thời gian 2 năm (đủ 24 tháng) đối với chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) được xếp lên 01 bậc lương của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm theo quy định này, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ: Ông Trần Văn B, đã được tuyển dụng vào làm viên chức tại Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh H và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến nay, đã được xếp ngạch huấn luyện viên (mã số 18.181), bậc 3, hệ số lương 3,00 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay căn cứ vào vị trí việc làm, đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV), mã số V.10.01.04 thì việc xếp lương được thực hiện như sau:

Thời gian công tác của ông Trần Văn B từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng và cứ 2 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014 được xếp vào bậc 4, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV); thời gian hưởng bậc lương mới ở chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,54 (3,00 - 2,46).

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2016 (sau đủ 2 năm), ông Trần Văn B đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 5, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,54 (tổng hệ số lương được hưởng là 3,20).

3. Việc thăng hạng viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL, nay được

bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV và Thông tư này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao được bổ nhiệm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao;

b) Phê duyệt phương án chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV và quy định tại Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

c) Quyết định chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo thẩm quyền. Đối với các trường hợp chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên cao cấp (hạng I) phải có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ quyết định;

d) Báo cáo kết quả chuyển xếp chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ.

2. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THỨ TRƯỞNG



Lê Khánh Hải

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Hội; đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ; Cục; tổ chức thuộc Bộ Nội vụ và Bộ VH, TT & DL;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: Bộ Nội vụ (VT, Vụ CCVC); BVHTTDL (VT, TCCB, TCTDĐT).